

Phụ lục I
TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐIỀU TRA ĐÁNH GIÁ Ô NHIỄM
ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH ĐẮK LẮK
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Khoản mục chi phí	Kinh phí điều chỉnh (đồng)
A	CHI PHÍ ĐIỀU TRA ĐÁNH GIÁ Ô NHIỄM ĐẤT	11.236.821.117
-	Nội nghiệp	6.065.319.900
-	Ngoại nghiệp	5.171.501.217
1	Bước 1: Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ và khảo sát sơ bộ tại thực địa	281.676.166
-	Nội nghiệp	133.440.430
-	Ngoại nghiệp	148.235.737
2	Bước 2: Lập kế hoạch và điều tra thực địa	6.484.520.784
2.1	Lập kế hoạch và điều tra thực địa	6.442.610.334
-	Nội nghiệp	1.461.255.304
-	Ngoại nghiệp	4.981.355.030
2.2	Điều tra lấy mẫu đất	41.910.451
-	Nội nghiệp	0
-	Ngoại nghiệp	41.910.451
3	Bước 3. Tổng hợp, xử lý thông tin nội nghiệp và ngoại nghiệp	3.295.886.885
3.1	Phân tích mẫu	2.096.976.254
-	Nội nghiệp	2.096.976.254
-	Ngoại nghiệp	0
3.2	Tổng hợp số liệu, xác định các điểm đất bị ô nhiễm và có nguy cơ ô nhiễm	1.198.910.630
-	Nội nghiệp	1.198.910.630
-	Ngoại nghiệp	0
4	Bước 4: Xây dựng bản đồ đất bị ô nhiễm	1.016.542.281
-	Nội nghiệp	1.016.542.281
-	Ngoại nghiệp	0
5	Bước 5: Phân tích đánh giá thực trạng, nguyên nhân ô nhiễm đất, đề xuất giải pháp giảm thiểu ô nhiễm đất	73.338.115
-	Nội nghiệp	73.338.115
-	Ngoại nghiệp	0
6	Bước 6: Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, đánh giá ô nhiễm đất	84.856.886

STT	Khoản mục chi phí	Kinh phí điều chỉnh (đồng)
-	Nội nghiệp	84.856.886
-	Ngoại nghiệp	0
B	CHI PHÍ NGOÀI ĐƠN GIÁ	688.430.454
1	<i>Khảo sát, lập đề cương, dự toán</i>	214.448.357
2	<i>Kiểm tra, nghiệm thu</i>	441.190.297
	Nội nghiệp (3%)	220.547.575
	Ngoại nghiệp (4%)	220.642.722
3	<i>Lựa chọn nhà thầu</i>	32.791.800
	Lập HSMT và đánh giá HSDT (0,2%)	21.861.200
	Thẩm định HSMT và KQLCNT (0,1%)	10.930.600
C	TỔNG DỰ TOÁN TRƯỚC THUẾ (A+B)	11.925.251.571
D	THUẾ GTGT (C x 10%)	1.192.525.157
	TỔNG DỰ TOÁN SAU THUẾ (C+D)	13.117.776.728
	TỔNG DỰ TOÁN LÀM TRÒN	13.117.777.000